

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2017/KDTM-PT

Ngày: 14/8/2017

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Hiền.

Các thẩm phán: Ông Lương Xuân Lộc.

Ông Nguyễn Gia Lương.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huệ- Kiểm sát viên.

Ngày 14/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2017/TLPT - KDTM ngày 28/6/2017 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2017/KDTM-ST ngày 12/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2017/QĐPT-KDTM ngày 04/8/2017 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) P Việt Nam.

Địa chỉ: Trụ sở tại phố V, quận K, thành phố H, Việt Nam.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn K - chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP P Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn H1 - chức vụ: Trưởng phòng D - Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh Bắc Giang, (theo văn bản ủy quyền ngày 09/02/2017)- (có mặt).

*** Bị đơn:** Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ (CPTMDV) T.

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện G, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H2 - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Văn S, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Thái Nguyên (theo văn bản uỷ quyền ngày 25/5/2017), (có mặt)

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1- Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1984, (có mặt);

Địa chỉ: Phố V, thị trấn V, huyện G, tỉnh Bắc Giang

2- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1959, (có mặt);

Địa chỉ: Phố V, thị trấn V, huyện G, tỉnh Bắc Giang.

3- Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1987, (vắng mặt);

Địa chỉ: Phố V, thị trấn V, huyện G, tỉnh Bắc Giang.

Uỷ quyền cho ông Nguyễn Văn M (theo văn bản uỷ quyền ngày 06/3/2017)- (có mặt);

4- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963, (vắng mặt);

Địa chỉ: Phố V, thị trấn V, huyện G, tỉnh Bắc Giang.

Uỷ quyền cho ông Nguyễn Văn M (theo văn bản uỷ quyền ngày 06/3/2017)- (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP P Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang do ông Nguyễn Văn H1 là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Do nhu cầu sản xuất kinh doanh nên từ năm 2015 đến năm 2016, Công ty Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư T, (Công ty) đã ký kết 03 Hợp đồng vay vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang (Ngân hàng) gồm 01 Hợp đồng vay trung hạn và 02 Hợp đồng vay ngắn hạn cụ thể như sau:

1.Khoản vay trung hạn theo Hợp đồng tín dụng số: 02/2015/7644299/HĐTD ngày 28/9/2015.

- Số tiền theo Hợp đồng tín dụng là 10 tỷ đồng, số tiền thực tế cho vay là: 9.210.019.000 đồng.

- Mục đích vay: Đầu tư giai đoạn 2 xây dựng xưởng may và tái cấu trúc dư nợ vay đầu tư dự án.

- Thời hạn vay: 60 tháng.

- Lãi suất: Áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi suất cho vay kỳ đầu là 11,5%/năm, từ kỳ thứ hai trở đi áp dụng lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay trung, dài hạn của Ngân hàng công bố tại thời điểm điều chỉnh lãi suất theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

- Số tiền đã trả: Tiền gốc: 800.000.000 đồng; Tiền lãi: 1.204.986.477 đồng.

- Tính đến hết ngày 23/3/2017, dư nợ của Công ty đối với Ngân hàng theo khoản vay này là: Tiền gốc là: 8.410.019.000 đồng; Tiền lãi trong hạn + Lãi quá hạn = 241.046.923 đồng.

Theo điểm d khoản 2 Điều 4 của hợp đồng tín dụng đã ký kết thì đến hạn trả nợ, nếu khách hàng không trả được tiền cho Ngân hàng thì Ngân hàng sẽ chuyển toàn bộ dư nợ của Công ty tại Ngân hàng sang nợ quá hạn.

- Khoản vay này đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 25/11/2016 do Công ty không trả được nợ lãi.

2. Các khoản vay ngắn hạn:

2.1.Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/7644299/HĐTD ngày 28/9/2015.

-Hạn mức tín dụng cấp tối đa là 10 tỷ đồng, số tiền thực tế cho vay là: 12.663.041.772 đồng (giải ngân nhiều lần tương đương nhiều hợp đồng tín dụng cụ thể).

- Mục đích vay: Trả tiền lương cho công nhân.

-Lãi suất: 9,0%/ năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

-Thời hạn vay: 06 tháng (ngày đến hạn trả nợ gốc tính theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể). Các khoản vay này đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 25/11/2016 do Công ty không trả được nợ lãi.

-Số tiền đã trả nợ: 10.649.510.992 đồng.

-Tính đến hết ngày 23/3/2017, dư nợ của Công ty đối với Ngân hàng theo khoản vay này là: 2.080.874.386 đồng, trong đó: Tiền gốc: 2.013.530.780 đồng; Tiền lãi trong hạn + Lãi quá hạn = 67.343.606 đồng.

2.2.Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/7644299/HĐTD ngày 20/7/2016.

- Hạn mức tín dụng cấp tối đa là 5 tỷ đồng, số tiền thực tế cho vay là: 2.680.000.000 đồng (giải ngân 04 lần tương đương 04 hợp đồng tín dụng cụ thể).

- Mục đích vay: Trả tiền lương cho công nhân.

- Lãi suất: 9,0%/ năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

-Thời hạn vay: 06 tháng (ngày đến hạn trả nợ gốc tính theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể). Các khoản vay này đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 25/11/2016 do Công ty không trả được nợ lãi.

Các khoản vay của Công ty được đảm bảo bằng các tài sản theo các Hợp đồng thế chấp tài sản sau:

Tài sản 1: Toàn bộ tài sản gắn liền với đất được xây dựng trên thửa đất tại Thôn P 2, xã M, huyện G, tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 176983, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T087/8/QĐ số: 1158/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang cấp ngày 14/7/2009 cho Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư T gồm: Nhà xưởng số 1, nhà ăn, nhà kho, phòng kỹ thuật, nhà xưởng số 2, nhà phục vụ sản xuất, nhà bếp, nhà cơ điện, nhà vệ sinh chung, nhà bảo vệ, bể chứa nước cứu hỏa, bể chứa nước sạch, tường rào, rãnh thoát nước, hệ thống cống, cửa sắt, đường bê tông nội bộ; công trình điện 400KVA, nhà nồi hơi, nhà cầu lông, nhà để xe, tháp nước,.....theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 03/2015/7644299/HĐBĐ ngày 11/11/2015.

Tài sản 2: Máy móc thiết bị gồm: Máy may 1 kim; máy vắt sổ; máy đính cúc; máy di bọ; máy may 2 kim; bàn hút; bàn là, dây hơi; máy cắt nhám; máy ép mex; máy đóng đai; máy cắt vòng; máy thừa; máy in phun; máy dập cúc; máy may cạp; máy trần đèn; máy sang chỉ; hệ thống điện chiếu sáng; hệ thống làm mát; tủ bù hạ thế; hệ thống thiết bị phụ trợ, hệ thống PCCC,... theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2015/7644299/HĐBĐ ngày 08/10/2015.

Tài sản 3: Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 799925, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H02112, do UBND huyện G, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 08/5/2008 tại Phố V, thị trấn V, huyện G, tỉnh Bắc Giang cho hộ bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn M theo Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số: 01/2015/8077560/HĐBĐ ngày 18/11/2015.

Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ và Đầu tư T trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P - Chi nhánh Bắc Giang tổng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 12/5/2017 là: 13.683.342.429 đồng, trong đó nợ tiền gốc là: 13.103.549.780 đồng, tiền nợ lãi là: 579.792.649 đồng (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt). Ngoài ra Ngân hàng còn yêu cầu Công ty phải trả số tiền lãi (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt) tính từ ngày 12/5/2017 cho đến ngày Công ty trả hết nợ gốc với mức lãi suất theo các Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng với Công ty.

Trường hợp Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng thì đề nghị Cơ quan có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản nợ của Công ty với Ngân hàng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng đã rút 1 phần yêu cầu khởi kiện cụ thể là: Ngân hàng không yêu cầu Công ty phải trả số tiền lãi cho Ngân hàng (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt) theo các Hợp đồng tín dụng đã ký tính từ ngày 12/5/2017 (ngày xét xử sơ thẩm) cho đến ngày Công ty trả hết nợ cho Ngân hàng.

***Bị đơn là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T** do ông Nguyễn Văn H2 là đại diện theo pháp luật trình bày: Trong 02 năm 2015 và 2016, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T, (Công ty) đã ký 03 hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng TMCP P Việt Nam - chi nhánh Bắc Giang cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/7644299/HĐTD ngày 28/9/2015;
- Hợp đồng tín dụng số 02/2015/7644299/HĐTD ngày 28/9/2015;
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/7644299/HĐTD ngày 20/7/2016.

Công ty xác nhận còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc và tiền lãi như phía đại diện cho Ngân hàng đã trình bày.

Công ty đã họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông bất thường để có phương án sản xuất và thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế hiện tại của Công ty chưa ổn định nên đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện về thời gian để Công ty thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Bà Vũ Thị T là người đại diện cho Công ty (theo văn bản ủy quyền ngày 22/3/2017) trình bày: Bà hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang đối với Công ty. Tuy nhiên, hiện nay do Công ty đã ngừng hoạt động, nội bộ Công ty không thống nhất nên không thể đưa ra phương án trả nợ cho Ngân hàng. Công ty đồng ý để Ngân hàng phát mại các tài sản mà Công ty và bên thứ ba đã thế chấp tại Ngân hàng để thu hồi nợ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

***Anh Nguyễn Xuân C trình bày:** Anh là Giám đốc của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ P. Anh xác nhận số tiền Công ty còn nợ Ngân hàng cùng các tài sản mà Công ty và bên thứ ba đã thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng như trình bày của đại diện cho Ngân hàng đã nêu trong đơn khởi kiện ngày 09/02/2017 là đúng.

Anh là con của ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T. Anh và bố mẹ anh đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tại phố V, thị trấn V, huyện G, tỉnh Bắc Giang để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ 3 số: 01/2015/8077560/HĐBĐ ngày 18/11/2015. Tài sản thế chấp có giá trị là 2.900.000.000 đồng.

Ngày 15/4/2016, Công ty có trả nợ cho Ngân hàng 2.500.000.000 đồng. Anh và bố mẹ anh đã đề nghị Công ty làm thủ tục giải chấp cho bố mẹ anh đối với Ngân hàng. Ngày 20/4/2016, Công ty đã có đơn đề nghị Ngân hàng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bố mẹ anh nhưng Ngân hàng không đồng ý.

Hiện nay do Công ty đã ngừng hoạt động nên không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng, anh đồng ý đề cơ quan có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp của Công ty trước để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Nếu tài sản của Công ty không đủ trả cho các khoản nợ của Công ty tại Ngân hàng thì anh sẽ đồng ý phát mại đến tài sản thế chấp của gia đình anh.

***Ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị T chị Nguyễn Thị C do ông Nguyễn Văn M là người đại diện theo ủy quyền trình bày:** Ông và bà T bà là bố mẹ của anh Nguyễn Xuân C và chị Nguyễn Thị C. Ông đồng ý với ý kiến của anh C đã trình bày. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty phải trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng thì ông đề nghị Công ty phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp Công ty không trả được hết nợ cho Ngân hàng thì đề nghị phát mại các tài sản thế chấp của Công ty. Trường hợp tài sản của Công ty không đủ để trả hết nợ cho Ngân hàng thì ông bà sẽ có trách nhiệm trả nợ tiếp cho Ngân hàng và đề nghị Ngân hàng trả lại giấy chứng nhận QSDĐ cho vợ chồng ông.

Việc ông Nguyễn Quang L và anh Nguyễn Xuân C tự đứng ra đại diện cho Công ty ký kết các Hợp đồng tín dụng là vi phạm các quy định đã quy định trong Điều lệ của Công ty đã quy định về thẩm quyền ký kết các Hợp đồng.

Ông cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giá trị pháp lý của 02 hợp đồng tín dụng nói trên.

Với nội dung trên, bản án Kinh doanh thương mại số 04/2017/KDTM-ST ngày 12/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B đã áp dụng các Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự . Khoản 5, khoản 7 Điều 351, Điều 355, Điều 361, Điều 369 Bộ luật dân sự 2005. Điều 41, Điều 56 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 ; khoản 13 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm. Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Buộc Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T phải trả cho Ngân hàng TMCP P Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang, theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/7644299/HĐTD ngày 28/9/2015, Hợp đồng tín dụng số 02/2015/7644299/HĐTD ngày 28/9/2015 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/7644299/HĐTD ngày 20/7/2016, số tiền tạm tính đến ngày 12/5/2017 là: 13.683.342.429 đồng (Mười ba tỷ sáu trăm tám mươi ba triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng), trong đó tiền gốc là: 13.103.549.780 đồng; tiền lãi là 579.792.649 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, người phải thi hành án tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cụ thể là:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/7644299/HĐTD ngày 28/9/2015;
- Hợp đồng tín dụng số 02/2015/7644299/HĐTD ngày 28/9/2015;
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/7644299/HĐTD ngày 20/7/2016.

Trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ gồm:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2015/7644299/HĐBĐ ngày 08/10/2015;
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2015/7644299/HĐBĐ ngày 11/11/2015;
- Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 01/2015/8077560/HĐBĐ ngày 18/11/2015.

Về án phí KDTMST: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T phải chịu 121.683.342 đồng (một trăm hai mươi một triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

-Hoàn trả Ngân hàng TMCP P Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 60.628.567 đồng (sáu mươi triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi bảy đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2012/05972 ngày 21/02/2017 tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Bản án còn tuyên quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 22/5/2017, Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 26/5/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B kháng nghị bản án sơ thẩm về tiền lãi suất chậm thi hành án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn là Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T do ông Hoàng Văn S là người đại diện rút 1 phần yêu cầu kháng cáo. Các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang vẫn giữ nguyên kháng nghị.

+ Bị đơn là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T do ông Hoàng Văn S là người đại diện theo ủy quyền và Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang đều có quan điểm: Tại phiên tòa sơ thẩm, phía Nguyên đơn đã tự nguyện rút yêu cầu về việc tính lãi của các hợp đồng tín dụng sau khi xét xử, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút của phía Nguyên đơn là không đúng. Bản án sơ thẩm đã buộc Bị đơn phải trả lãi cho Nguyên đơn từ sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi thi hành xong các khoản nợ theo các Hợp đồng tín dụng là vượt quá yêu cầu khởi kiện, vi phạm Điều 5 BLTTDS.

+ Nguyên đơn là Ngân hàng do ông Nguyễn Văn H1 đại diện theo ủy quyền trình bày: Do không hiểu biết nên Ngân hàng cho rằng theo quy định của pháp luật thì bản án sơ thẩm sẽ tuyên lãi suất chậm thi hành án, nếu Ngân hàng không rút yêu cầu tính lãi quá hạn theo các Hợp đồng tín dụng sau khi xét xử sơ thẩm thì Bị đơn sẽ phải chịu cả phần lãi suất quá hạn (do Ngân hàng yêu cầu) và phần lãi suất chậm thi hành án (do Tòa án tuyên). Như vậy, Bị đơn sẽ phải chịu 2 lần tiền lãi nên tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng đã rút 1 phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu Bị đơn phải trả tiền lãi cho Ngân hàng sau ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Nay, Ngân hàng vẫn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Anh Nguyễn Xuân C và ông Nguyễn Văn M đồng ý với kháng cáo của Bị đơn và kháng nghị của VKSND thành phố B và không trình bày gì thêm.

+ Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Trong năm 2015 và 2016, Ngân hàng TMCP P Việt Nam - chi nhánh Bắc Giang và Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T đã ký kết 03 Hợp đồng tín dụng gồm:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/7644299/HĐTD ngày 28/9/2015;
- Hợp đồng tín dụng số 02/2015/7644299/HĐTD ngày 28/9/2015;
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/7644299/HĐTD ngày 20/7/2016.

Theo thỏa thuận trong 03 Hợp đồng nêu trên, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty vay tổng số tiền là: 24.553.060.772 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng thì Ngân hàng và Công ty; Ngân hàng và bên thứ 3 đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản cụ thể như sau:

* Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 03/2015/7644299/HĐBĐ ngày 11/11/2015 giữa Ngân hàng với Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T.

Tài sản thế chấp: Toàn bộ tài sản gắn liền với đất được xây dựng trên thửa đất tại Thôn P 2, xã M, huyện G, tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 176983, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T087/8/QĐ số: 1158/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang cấp ngày 14/7/2009 cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ T gồm: Nhà xưởng số 1, nhà ăn, nhà kho, phòng kỹ thuật, nhà xưởng số 2, nhà phục vụ sản xuất, nhà bếp, nhà cơ điện, nhà vệ sinh chung, nhà bảo vệ, bể chứa nước cứu hỏa, bể chứa nước sạch, tường rào, rãnh thoát nước, hệ thống cống, cửa sắt, đường bê tông nội bộ; công trình điện 400KVA, nhà nồi hơi, nhà cầu lông, nhà để xe, tháp nước,...

Giá trị tài sản thế chấp được định giá là 19.600.000.000 đồng, (BL209).

*Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/7644299/HĐBĐ ngày 08/10/2015 giữa Ngân hàng với Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T.

Tài sản thế chấp: Máy móc thiết bị của Công ty gồm: Máy may 1 kim; máy vắt sổ; máy đính cúc; máy di bộ; máy may 2 kim; bàn hút; bàn là, dây hơi; máy cắt nhám; máy ép mex; máy đóng đai; máy cắt vòng; máy thừa; máy in phun; máy dập cúc; máy may cạp; máy trần đèn; máy sang chỉ; hệ thống điện chiếu sáng; hệ thống làm mát; tủ bù hạ thế; hệ thống thiết bị phụ trợ, hệ thống PCCC,...

Giá trị tài sản thế chấp được định giá là 6.095.000.000 đồng, (BL 232).

*Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số: 01/2015/8077560/HĐBĐ ngày 18/11/2015 giữa Ngân hàng với bên thứ 3 là hộ bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn M.

Tài sản thế chấp: Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 799925, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H02112, do UBND huyện G, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 08/5/2008 tại Phố V, thị trấn V, huyện G, tỉnh Bắc Giang cho hộ bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn M.

Giá trị tài sản thế chấp được định giá là 2.990.000.000 đồng, (BL 142).

Tất cả các Hợp đồng thế chấp đều được công chứng, chứng thực và đăng ký tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Quá trình từ khi ký kết các Hợp đồng tín dụng cho đến trước ngày 25/11/2016 thì Công ty đều thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi cho Ngân hàng đầy đủ. Tuy nhiên đến ngày 25/11/2016, do điều kiện Công ty ngừng hoạt động nên Công ty đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền lãi và 01 khoản nợ gốc đến hạn đối với Ngân hàng.

Sau ngày 25/11/2016, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn cho Công ty. Công ty và Ngân hàng đã nhiều lần làm việc để chốt số nợ của Công ty tại Ngân hàng, Công ty cũng đã đưa ra nhiều cam kết về thời hạn trả nợ cho Ngân hàng nhưng phía Công ty đều không thực hiện được.

Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ của Công ty tại Ngân hàng sang nợ quá hạn kể từ ngày Công ty vi phạm Hợp đồng tín dụng về thời hạn trả nợ. Ngày 10/02/2017, Ngân hàng đã khởi kiện Công ty đến Tòa án để thu hồi toàn bộ các khoản nợ quá hạn của Công ty từ ngày 25/11/2016.

Cụ thể là Ngân hàng yêu cầu Công ty phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 12/5/2017 là: 13.683.342.429 đồng (Mười ba tỷ sáu trăm tám mươi ba triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng), trong đó tiền gốc là: 13.103.549.780 đồng; tiền lãi là 579.792.649 đồng, (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt). Ngoài ra Ngân hàng còn yêu cầu Công ty phải trả số tiền lãi (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt) tính từ ngày 12/5/2017 cho đến ngày Công ty trả hết nợ gốc với mức lãi suất theo các Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng với Công ty.

Trường hợp Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng thì đề nghị Cơ quan có thẩm quyền phát mại các tài

sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản nợ của Công ty với Ngân hàng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng rút 1 phần yêu cầu khởi kiện cụ thể là: Ngân hàng không yêu cầu Công ty phải trả số tiền lãi cho Ngân hàng (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt) theo các Hợp đồng tín dụng đã ký tính từ ngày 12/5/2017 (ngày xét xử sơ thẩm) cho đến ngày Công ty trả hết nợ cho Ngân hàng.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm đã buộc Công ty phải trả cho Ngân hàng 13.683.342.429 đồng, trong đó tiền gốc là: 13.103.549.780 đồng, tiền lãi là 579.792.649 đồng.

Trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp.

Bản án còn tuyên lãi suất chậm thi hành án, quyền thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/5/2017, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 26/5/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B kháng nghị bản án sơ thẩm về việc bản án đã tuyên lãi suất chậm thi hành án là vượt quá yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn đã rút toàn bộ về yêu cầu về tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng trong thời gian tính từ ngày xét xử đến khi Ngân hàng thanh toán xong khoản nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang giữ nguyên kháng nghị. Ông Hoàng Văn S là người đại diện theo ủy quyền của Công ty rút 1 phần kháng cáo và trình bày: Nội dung kháng cáo của Công ty tại phiên tòa phúc thẩm cũng giống như nội dung mà kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã nêu.

Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện cho Ngân hàng trình bày: Do không hiểu biết nên Ngân hàng cho rằng theo quy định của pháp luật thì bản án sơ thẩm sẽ tuyên lãi suất chậm thi hành án, nếu Ngân hàng không rút yêu cầu tính lãi quá hạn theo các Hợp đồng tín dụng sau khi xét xử sơ thẩm thì Bị đơn sẽ phải chịu cả phần lãi suất quá hạn (do Ngân hàng yêu cầu) và phần lãi suất chậm thi hành án (do Tòa án tuyên). Như vậy, Bị đơn sẽ phải chịu 2 lần tiền lãi nên tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng đã rút 1 phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu Bị đơn

phải trả tiền lãi cho Ngân hàng sau khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Nay, Ngân hàng vẫn đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Theo Điều 1 mục III Thông tư liên tịch của Tòa án nhân dân tối cao- Viện kiểm sát nhân dân tối cao- Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính số 01/TTLT ngày 19/6/1997, hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản đã quy định về việc: Bảo vệ quyền lợi cho bên được thi hành án như sau:

“Để bảo đảm quyền lợi cho bên được thi hành án, hạn chế việc bên phải thi hành án cố tình dây dưa, không tự nguyện thi hành án, cùng với việc quyết định khoản tiền mà bên có nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán cho bên được thi hành án, khoản tiền phải nộp để đưa vào ngân sách Nhà nước (tiền tịch thu, tiền truy thu thuế, tiền truy thu do thu lợi bất chính, tiền phạt), Tòa án phải quyết định rõ trong bản án hoặc quyết định là kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 313 Bộ luật dân sự (năm 1995), trừ trường hợp được hướng dẫn tại khoản 3 phần 1 Thông tư này về các khoản vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng. Khi tính lãi chỉ tính lãi số tiền còn phải thi hành án, mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án. Từ nay trở đi, tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Tại khoản 3 phần 1 Thông tư đã nêu: “Đối với các khoản tiền vay, gửi ở tổ chức Ngân hàng, tín dụng, do giá trị của các khoản tiền đó đã được bảo đảm thông qua các mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định, cho nên khi xét xử, trong mọi trường hợp Tòa án đều không phải quy đổi các khoản tiền đó ra gạo, mà quyết định buộc bên có nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán số tiền thực tế đã vay, gửi cùng với khoản tiền lãi, kể từ ngày khi giao dịch cho đến khi thi hành án xong, theo mức lãi suất tương ứng do Ngân hàng Nhà nước quy định”.

Theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 đã hướng dẫn về việc áp dụng lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm như sau:

“Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo Hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

Như vậy, theo những hướng dẫn được nêu ở trên thì trong trường hợp Nguyên đơn là Ngân hàng không yêu cầu Bị đơn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi sau khi xét xử sơ thẩm thì Tòa án khi xét xử vẫn phải tuyên lãi suất chậm thi hành án. Việc Nguyên đơn là Ngân hàng khi khởi kiện cũng chỉ có quyền đề nghị Tòa án xem xét tiền gốc và tiền lãi đến thời điểm xét xử sơ thẩm còn việc tính lãi cụ thể theo các Hợp đồng tín dụng sau khi xét xử là trách nhiệm của Cơ quan Thi hành án dân sự. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tuyên lãi suất chậm thi hành án đối với Bị đơn khi Ngân hàng không yêu cầu là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Như vậy, kháng cáo của Công ty và kháng nghị của VKSND thành phố B là không có căn cứ. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty và kháng nghị của VKSND thành phố B, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

-Áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T và kháng nghị của Viện kiểm sát thành phố B, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

-Áp dụng các Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự . Khoản 5, khoản 7 Điều 351, Điều 355, Điều 361, Điều 369 Bộ luật dân sự 2005. Điều 41, Điều 56 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; khoản 13 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm. Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010. Thông tư liên tịch của Tòa án nhân dân tối cao- Viện kiểm sát nhân dân tối cao- Bộ Tư pháp – Bộ Tài chính số 01/TTLT ngày 19/6/1997; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Buộc Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T phải trả cho Ngân hàng TMCP P Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang, theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/7644299/HĐTD ngày 28/9/2015, Hợp đồng tín dụng số 02/2015/7644299/HĐTD ngày 28/9/2015 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/7644299/HĐTD ngày 20/7/2016, số tiền tạm tính đến ngày 12/5/2017 là: 13.683.342.429 đồng (Mười ba tỷ sáu trăm tám mươi ba triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng), trong đó tiền gốc là: 13.103.549.780 đồng; tiền lãi là 579.792.649 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, người phải thi hành án tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định trong các Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/7644299/HĐTD ngày 28/9/2015; Hợp đồng tín dụng số 02/2015/7644299/HĐTD ngày 28/9/2015; Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/7644299/HĐTD ngày 20/7/2016 đã ký kết giữa các bên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ gồm:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2015/7644299/HĐBĐ ngày 08/10/2015;
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2015/7644299/HĐBĐ ngày 11/11/2015;
- Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 01/2015/8077560/HĐBĐ ngày 18/11/2015.

Về án phí KDTMST: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T phải chịu 121.683.342 đồng (một trăm hai mươi một triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng TMCP P Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 60.628.567 đồng (sáu mươi triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi bảy đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2012/05972 ngày 21/02/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Về án phí KDTMPT: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T phải chịu 2.000.000 đồng án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm. Xác định Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ T đã nộp đủ 2.000.000 đồng tiền án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số 06249 ngày 31/5/2017 và Biên lai thu tiền số 0001843 ngày 20/7/2017, tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND thành phố B;
- Chi cục THAD thành phố B;
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thị Minh Hiền

